

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thép -CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 03/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP; Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-VNS ngày 13/6/2016;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty) như sau:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được sửa đổi trên cơ sở tham khảo quy chế mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và kế thừa các nội dung quy định tại Quy chế về hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành theo Quyết định 179/QĐ-VNS, cụ thể:

- Bổ sung, sửa đổi quy định về quyền, nghĩa vụ, trường hợp Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, không đảm trách nhiệm vụ; trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ, Quy chế nội bộ sửa đổi;

- Quy định chi tiết về Tiểu ban kiểm toán nội bộ, các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị;

- Bổ sung thêm hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị để thông qua Nghị quyết, quyết định dưới hình thức qua thư điện tử (email) cho phù hợp với thực tế hiện nay;

- Điều chỉnh số thứ tự, tên Điều cho phù hợp với Quy chế mẫu: Quy chế được giữ nguyên số chương, tăng 01 Điều so với Quy chế ban hành năm 2016.

(chi tiết các Điều, Khoản sửa đổi, bổ sung chính của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm tờ trình này)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua. /.

Nơi nhận:

- Các cổ đông VnSteel;
- HĐQT Tcty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, KTPC.



**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP 2021**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 85/TTr-VNS ngày 07 tháng 05 năm 2021 của Hội đồng quản trị
Tổng công ty Thép Việt Nam)



STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng Quy chế này quy định nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP (dưới đây gọi tắt là Tổng công ty).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.	
2	Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về lĩnh vực công việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về các nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị đối với quá trình hoạt động và phát triển Tổng công ty. 2. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và bảo đảm lợi ích của Tổng công ty.	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty. 2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh theo QC mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
3	Điều 4. Giải thích từ ngữ	Xóa bỏ, dùng theo thuật ngữ tại Điều lệ, Quy chế NBQT	Theo QC mẫu
4	Điều 2. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ Tổng công ty; trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh vị trí và sửa đổi theo Quy chế nội bộ về quản trị
5	Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty. 2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. 4. Tham gia dự thảo nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị để đưa ra thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản trị. 5. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.	Điều 3 (tiếp) 2. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty; b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên	Sửa theo Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116 và Điều lệ sửa đổi 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	6. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến của mình. 7. Thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Tổng công ty. 8. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	kết và các tổ chức khác; d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật. 4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	
6	Không quy định	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.	Điều khoản mới theo Quy chế mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
7	Điều 5. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Thành phần, cơ cấu của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25, Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau: 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, như quy định tại Khoản 1, Điều 25 của Điều lệ là năm (05) người, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty. 2. Cơ cấu Hội đồng quản trị - Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị. - Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, được quy định tại Khoản 1, Điều 25 Điều lệ Tổng công ty là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được tính theo thời gian mà thành viên đó tham gia một Hội đồng quản trị cụ thể. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty có 05 thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác. 4. Điều lệ Tổng công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, nếu có.	Sửa theo QC mẫu và Điều lệ, chỉ quy định nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	sung, thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ đó.		
8	Điều 6. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2, 3 Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty. Thông tin về các ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông để đảm bảo cho các cổ đông nhận được đầy đủ thông tin nhằm xác định năng lực của các ứng viên cũng như đánh giá tính độc lập của họ. Các thông tin cần phải công bố bao gồm: - Họ và tên của ứng viên; - Họ và tên của cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) đề cử ứng viên đó; - Độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; - Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; - Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong vòng 5 năm qua; - Vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm; - Việc ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị của	Xóa bỏ (thực hiện theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị)	Theo Quy chế mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	các công ty khác; - Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan, các đối tác kinh doanh chính của Tổng công ty. - Những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên.		
9	Điều 7. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ Tổng công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. 2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: a) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có kinh nghiệm tham gia quản lý doanh nghiệp; Tối thiểu tốt nghiệp Đại học trở lên, có am hiểu về ngành thép; b) Có năng lực hành vi dân sự; c) Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật; d) Không kiêm nhiệm quá hai chức vụ quản lý tại các tổ chức kinh tế khác, ngoại trừ các tổ chức kinh tế liên doanh, liên kết với Tổng công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty không	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có kinh nghiệm tham gia quản lý doanh nghiệp; tốt nghiệp Đại học trở lên, có am hiểu về ngành thép; c. Có sức khỏe để đáp ứng yêu cầu công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết pháp luật; d. Thành viên HĐQT Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị quá năm (05) công ty khác; e. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty.	Bổ sung theo QC mẫu và điều lệ sửa đổi 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác. 4. Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	f. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình với Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ; g. Các điều kiện, tiêu chuẩn khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.	
10		2. Ngoài các tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 1, Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn phải đáp ứng các điều kiện sau: a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty ít nhất ba (03) năm liền kề trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong năm (05) năm liền kề trước đó; trừ trường hợp bổ nhiệm liên tục tại hai (02) nhiệm kỳ; f. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất; g. Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.	
11	Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị Các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4, Điều 27 Điều lệ Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách quản lý chung hoạt động của Hội đồng quản trị và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc đã được Hội đồng quản trị giao quyền hoặc được Pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 2. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng công ty; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	Bổ sung, điều chỉnh theo QC mẫu và Dự thảo ĐL sửa đổi

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	3. Lập kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; 4. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng quản trị và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; 5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác; 6. Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua; 7. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng công ty; 8. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các công việc mà Hội đồng quản trị đã thực hiện; 9. Ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua; 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên khác trong Hội đồng quản trị đảm nhiệm một hay một số công việc của mình. 11. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ,	c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; g. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua; h. Chủ tịch hội đồng quản trị còn có chung quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp. i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	nhân viên về hoạt động của Tổng công ty. 12. Giúp việc trực tiếp công việc hàng ngày của Chủ tịch Hội đồng quản trị có Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị. 13. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị	
12	Điều 8. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức dồn phiếu. Việc bầu dồn phiếu để xác định thành viên Hội đồng quản trị được quy định trong quy chế biểu quyết bầu do Đại hội đồng cổ đông quy định. 2. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2,3,4,5 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, điều hành của Tổng công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.	Theo QC mẫu và DL sửa đổi

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thành viên Hội đồng quản trị trong những trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.	3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp trong trường hợp Tổng công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	
13	Không quy định	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị	Theo mẫu QC

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty. 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.	
14	Không quy định	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công	Bổ sung theo Quy chế mẫu và Dự thảo Điều lệ sửa đổi 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		bổ bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty; g) Tổng công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Tổng công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	
15	Điều 9. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26, Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp,	Sửa đổi, bổ sung theo Quy chế mẫu và Dự thảo Điều lệ sửa đổi 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quản trị. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động của Tổng công ty. 3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Tổng công ty và có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: 3.1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; 3.2. Tổ chức triển khai chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; 3.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty; 3.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác được quy định trong Quy chế quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, điều hành của Tổng công ty; quyết định tiền lương, quyền lợi khác của người quản lý; 3.5. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc và việc bầu, từ chức, nghỉ hưu, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; 3.6. Quyết định cử, thay thế người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của	Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, và đầu tư hàng năm của Tổng công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp; i) Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Tổng giám đốc; 3.7. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; 3.8. Quyết định hoặc phân cấp theo quy chế các dự án đầu tư (trừ những dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông); 3.9. Thực hiện phân cấp theo quy chế hoặc trực tiếp thông qua các hợp đồng mua bán thép, phôi thép, thép phế liệu, quặng sắt và vật tư, nguyên liệu khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh thế chấp của Tổng công ty; 3.10. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; 3.11. Đề xuất phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp; 3.12. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; 3.13. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; 3.14. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;	quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty; j) Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác được quy định trong Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; m) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh liên quan đến cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT; Hội đồng quản trị chủ trì giải quyết tố cáo trong các trường hợp sau: Tố cáo liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị (trừ trường hợp tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Ban kiểm soát chủ trì giải quyết); Tố cáo liên quan đến tất cả các thành viên Ban kiểm soát; n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	3.15. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; 3.16. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; 3.17. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty; 3.18. Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thành viên 100% vốn của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; kết nạp các thành viên mới; tiếp nhận các Công ty liên kết tự nguyện tham gia vào Tổng công ty; 3.19. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh); 3.20. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty; 3.21. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp,	thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Mức phân cấp cụ thể trong từng lĩnh vực được quy định và điều chỉnh bằng Quy chế nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định; o) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu của Tổng Công ty; p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Công ty; t) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông; u) Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện; v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty; 3.22. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh tài chính và đầu tư hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh đã xác định hàng năm; 3.23. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; 3.24. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; 3.25. Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; 3.26. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty; 3.27. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 35, Điều lệ Tổng công ty; 3.28. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của	nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email). Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. 5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.		
16	Không quy định	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung theo Quy chế mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
17	Không quy định	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Bổ sung theo Quy chế mẫu và Dự thảo Điều lệ 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; e) Xác định thời gian và địa điểm họp; g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.	
18	Điều 20. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị 1. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc Hội đồng quản trị. Khi có nhiều Thư ký, Trợ lý, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người phụ trách chung. Thư ký Tổng công ty có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: a) Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và Lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị; 	Điều 15. Các tiểu ban, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị. 1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty, Trợ lý, Thư ký Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau đây gọi là bộ phận giúp việc). Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người phụ trách chung. 2. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty; d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. 3. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ, quyền hạn sau: a) Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của Hội	Sửa đổi bổ sung theo Quy chế Mẫu và Điều lệ 2021

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đồng quản trị và Lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;	
19	2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị - Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để giúp việc hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 15, Điều 28 Điều lệ Tổng công ty. Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, quy chế hoạt động của Tiểu ban tùy vào thời điểm do Hội đồng quản trị quyết định. - Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị có thể được thành lập theo Điều lệ bao gồm: + Tiểu ban Chính sách phát triển. + Tiểu ban kiểm toán. + Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng. - Việc thành lập các Tiểu ban đặc biệt khác của Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tất cả nhiệm vụ, quyền hạn của bất kỳ tiểu ban nào, nếu chưa thành lập sẽ là nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của các Tiểu ban, tiêu chuẩn của thành viên các tiểu ban do Hội đồng quản trị cân nhắc và quyết định tại từng thời điểm. 3. Hội đồng quản trị sử dụng Bộ máy điều hành và con dấu của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền	4. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ, nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban, thành viên của các tiểu ban được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty. 5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.	Sửa theo Điều lệ sửa đổi

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	hạn của mình.		
20	Điều 13. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị Điều 18. Chế độ hội họp và đi công tác	Điều 15. Chương trình hoạt động, chế độ họp, đi công tác của Hội đồng quản trị	Gộp Điều 13 và Điều 18 - QC 2016 thành 1 Điều, nội dung giữ nguyên
21	Điều 14. Các cuộc họp Hội đồng quản trị Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau: quy định 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể được bầu thay thế khi không còn đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty. Trong trường hợp này các thành viên Hội đồng quản trị giới thiệu một	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất hoặc ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa theo QC mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	người theo nguyên tắc đa số để chủ trì họp bầu Chủ tịch mới và họp bàn giao các nội dung khác (nếu có).		
22	2. Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp bất thường khi cần thiết như quy định tại các Khoản 3, 4, và 5 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty. 6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại Trụ sở chính của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có thể họp tại những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị.	
23	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, nếu có. 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Điều lệ sửa đổi
24	3. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
25	10. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp Hội đồng quản trị, song ít nhất phải báo cáo gồm các vấn đề sau (đối với các cuộc họp định kỳ): - Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới. - Báo cáo của Tổng giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới. - Trường ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Tổng công ty.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp Hội đồng quản trị, song ít nhất phải báo cáo gồm các vấn đề sau (đối với các cuộc họp định kỳ): - Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới. - Báo cáo của Tổng giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới. - Trường ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Tổng công ty. - Báo cáo của các Tiểu ban chuyên môn.	Bổ sung theo QC mẫu và Điều lệ sửa đổi

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	- Báo cáo của các Tiểu ban chuyên môn		
26	8. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định song ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (khi Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị) và đại diện Ban kiểm soát. Thành viên dự họp không là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
27	4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
28	9. Họp trên điện thoại, truyền hình trực tuyến hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một	Điều chỉnh cho phù hợp với ĐL

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.	cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua phương tiện liên lạc thông tin phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp bằng hình thức trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	
29	Không quy định	10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác. 11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	
30	11. Khi bàn về nội dung công việc của Tổng công ty có liên quan đến vấn đề quan trọng của địa phương nào, Hội đồng quản trị có thể mời đại diện chính quyền địa phương đó tham dự. Trường hợp có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động trong Tổng công ty có thể mời đại diện Công đoàn Tổng công ty dự họp. Trường hợp không mời các bên liên quan dự họp, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài ra, người triệu tập và chủ trì cuộc họp có thể quyết định mở rộng thêm thành phần mời dự tùy theo tính chất và nội dung cuộc họp.	Xóa bỏ	
31	Không quy định	12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo QC mẫu
32	Điều 15. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị Ngoài các quy định tại Điều 28, Điều lệ Tổng công ty, trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:	Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:	Điều chỉnh số TT điều

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Nội dung khoản 1-3 giữ nguyên	Nội dung khoản 1-3 giữ nguyên	
33	Điều 15. 4. Thư ký Tổng công ty phải lập biên bản cuộc họp phản ánh khách quan, trung thực diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp. Biên bản phải có những nội dung chính sau: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng quản trị. 5. Biên bản cuộc họp phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 5 ngày sau khi kết thúc cuộc họp. 6. Tất cả biên bản phải được lưu vào Sổ biên bản của Tổng công ty theo quy định tại Khoản 2, Điều 154, Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm lưu Sổ biên bản hoặc ủy quyền cho Thư ký Tổng công ty thực hiện việc này.	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có) có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng	Tách khoản 4 Điều 15 thành 1 Điều và sửa đổi theo QC mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		tiếng Việt được áp dụng.	
34	Điều 16. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Việc biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 9, 10 và 11 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) biểu quyết thông qua, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều 19. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Việc biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 9, 10 và 11 Điều 31 Điều lệ Tổng công ty theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) biểu quyết thông qua, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa số thứ tự Điều và tham chiếu
35	Điều 17. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến biểu quyết	Điều 20. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, qua thư điện tử (email) 1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, qua thư điện tử (email) để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, qua thư điện tử (email) có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề được đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết (đồng ý/không	Bổ sung hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	đối với vấn đề được đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết (đồng ý/không đồng ý) ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 6. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời (có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị), biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	đồng ý) ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 6. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời (có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị), bản in email trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.	
36	Không quy định	Điều 21. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty; b) Báo cáo tài chính; c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty; d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát. 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ	Bổ sung theo Quy chế mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đồng thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	
37	Điều 19. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị 1. Phòng làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được đặt tại Trụ sở chính của Tổng công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng theo quy định chung của Tổng công ty. 2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được thanh toán vào chi phí của Tổng công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và của Tổng công ty. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị được hưởng lương hoặc thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những	Gộp 2 Điều thành 1 Điều và điều chỉnh cho phù hợp Quy chế mẫu

	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	
38	Không quy định	Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây: 1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần	Bổ sung theo QC mẫu

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ. 2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.	
39	Điều 12. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Điều 24. Phân công nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung theo QC mẫu và điều chỉnh số thứ tự Điều

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
40	Điều 25. Mỗi quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 33, Điều lệ Tổng công ty. Mỗi quan hệ của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc được quy định như sau: Điều 21. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng Căn cứ vào lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, Hội đồng quản trị thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán, tổ chức cán bộ và lĩnh vực khác sẽ được quy định trong Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý, điều hành của Tổng công ty và Quy chế quản trị nội bộ theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Điều 25. Mỗi quan hệ với ban điều hành, bộ máy giúp việc 1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. 2. Căn cứ vào lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, Hội đồng quản trị thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán, tổ chức cán bộ và lĩnh vực khác sẽ được quy định trong Quy chế của Tổng công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Giữ nguyên từ Khoản 1 đến Khoản 8 (điều chỉnh số thứ tự Khoản)	Điều chỉnh Khoản 1 theo QC mẫu và điều chỉnh số thứ tự khoản tiếp theo
41	Điều 24. Mỗi quan hệ với Ban kiểm soát Quyền hạn và nghĩa vụ, chế độ làm việc của Ban kiểm soát được quy định tại các Điều 40, 41 và 42 của Điều lệ Tổng công ty. Mỗi quan hệ công tác của Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát của Tổng công ty được quy định cụ thể như sau:	Điều 26. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát 1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng	Bổ sung theo QC mẫu và điều chỉnh số thứ tự Điều

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH (2016)	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (2021)	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời. 3. Tiếp các Khoản 1-5 của Điều 24	
42	Điều 26. Hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Quy chế. 1. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-VNS ngày 20/6/2013 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2016. 2. Trường hợp có những quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật chưa đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định pháp luật mới khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng. 3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định./.	Điều 27. Hiệu lực thi hành 1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP bao gồm 7 Chương, 27 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng 4 năm 2021. 2. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quản trị của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-VNS ngày 13/06/2016.	